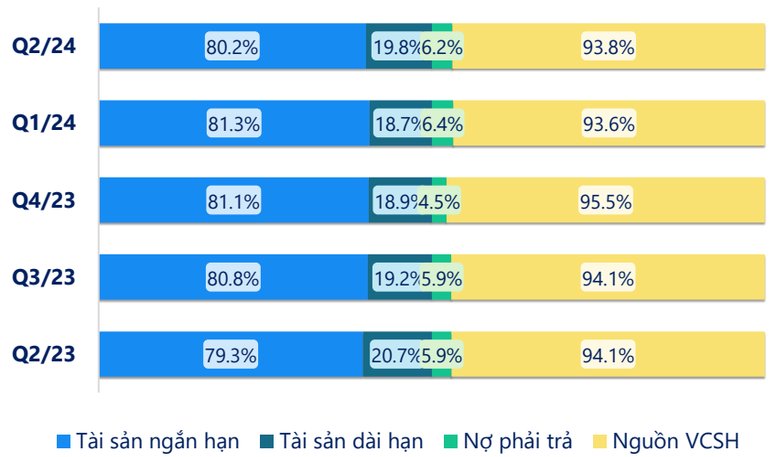
FireAnt

CTCP Nam Việt (HSX: NAV)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,890
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,276
SL cổ phiếu LH	7,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,580
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
P/E	5.1
EPS	3,343

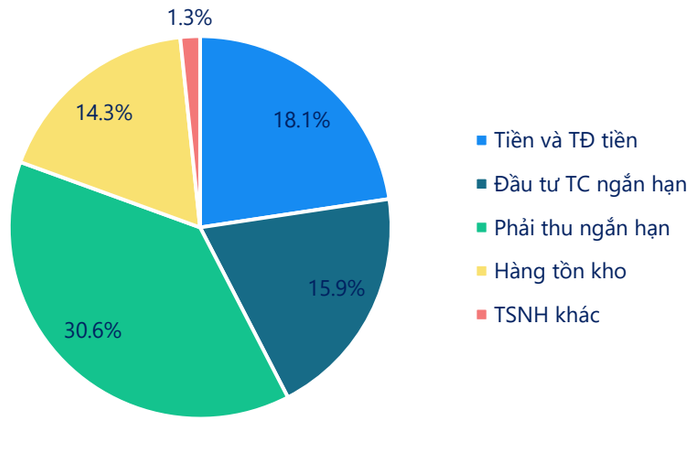
	YTD	1T	3T	6T
NAV	-1.4%	0.0%	13.8%	25.9%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



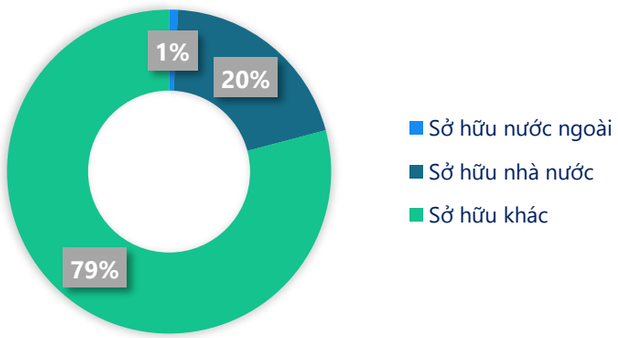
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



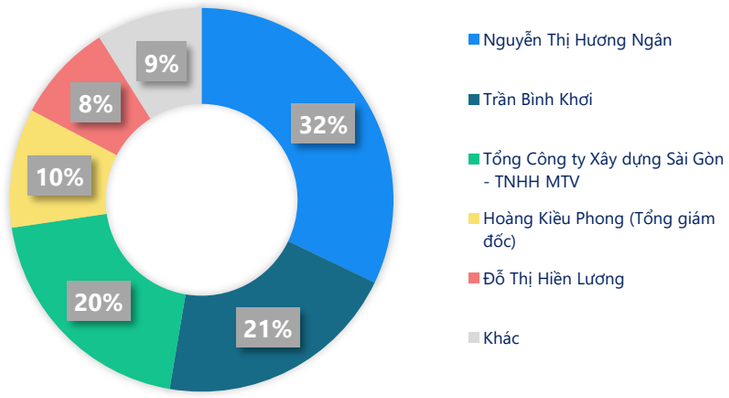
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



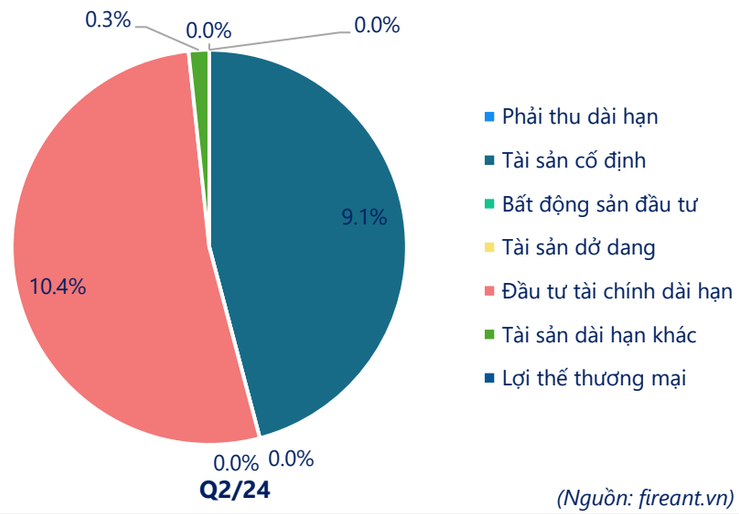
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

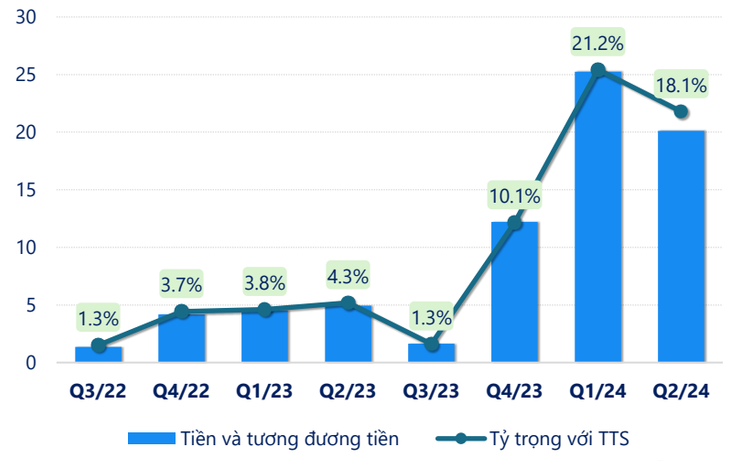


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

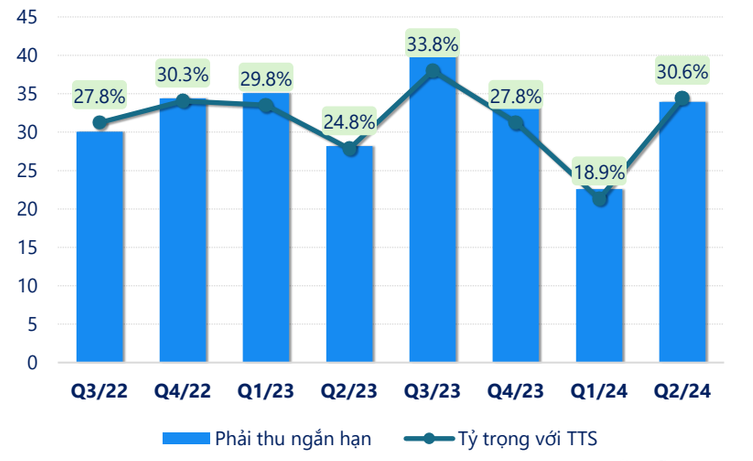
CTCP Nam Việt (HSX: NAV)

Tiền và tương đương tiền



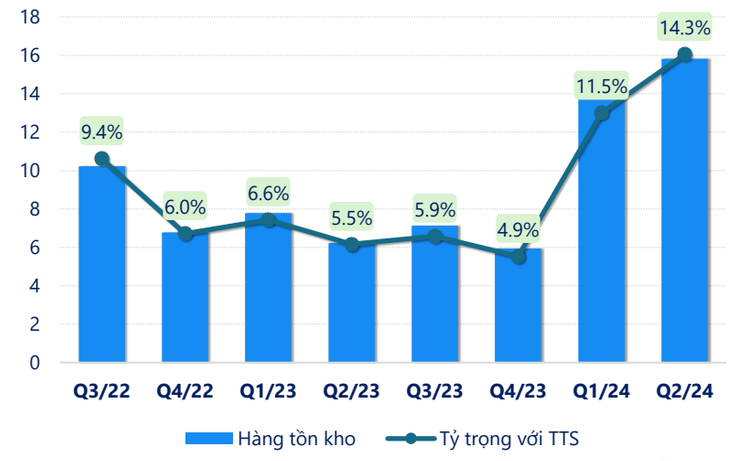
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



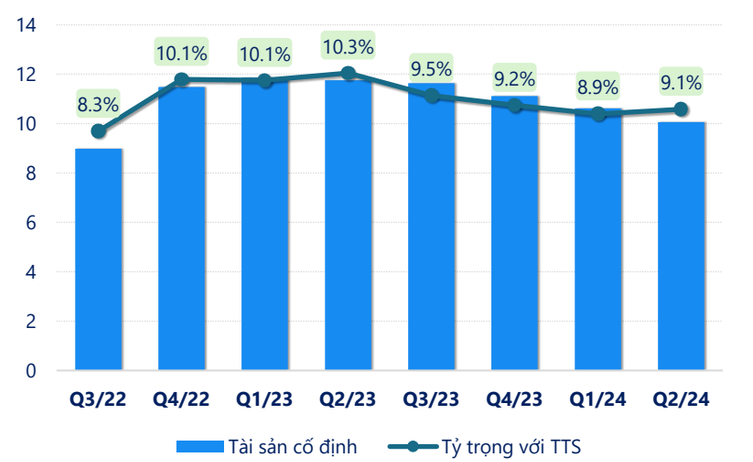
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



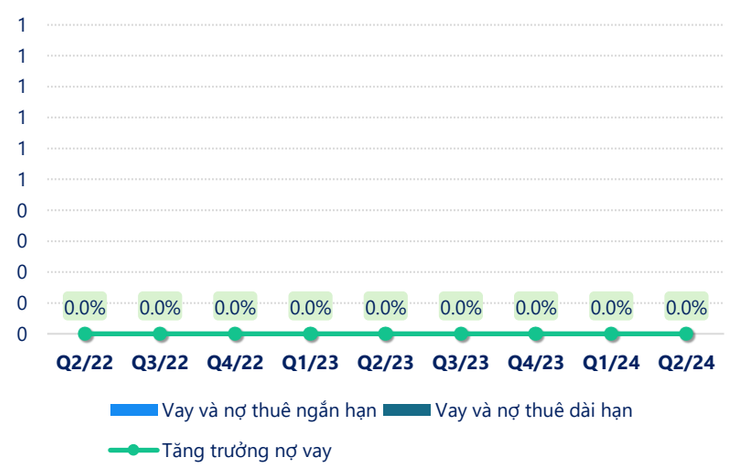
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



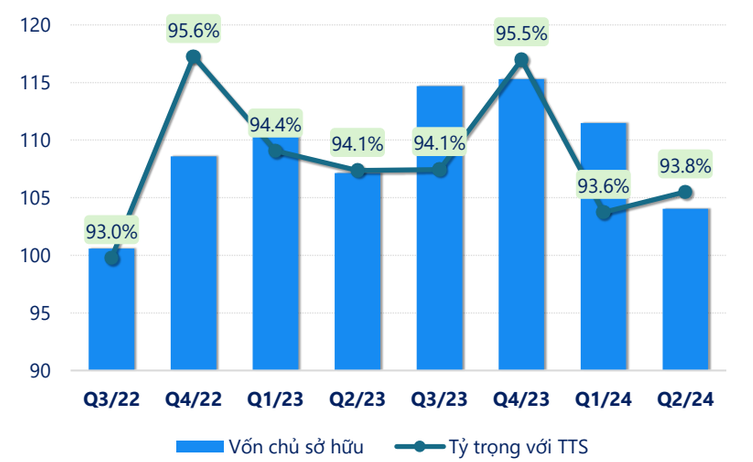
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

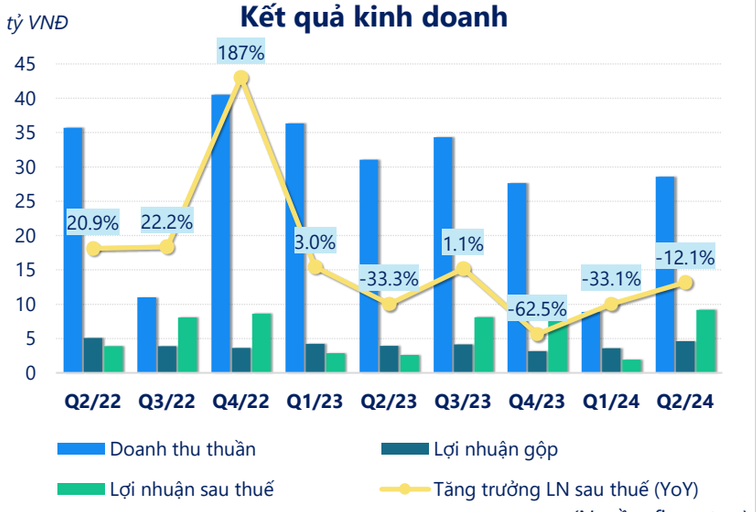
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

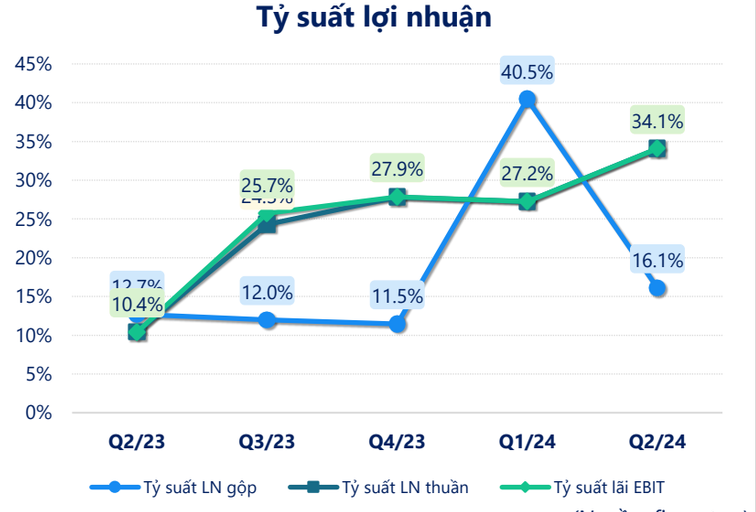
CTCP Nam Việt (HSX: NAV)

Kết quả kinh doanh



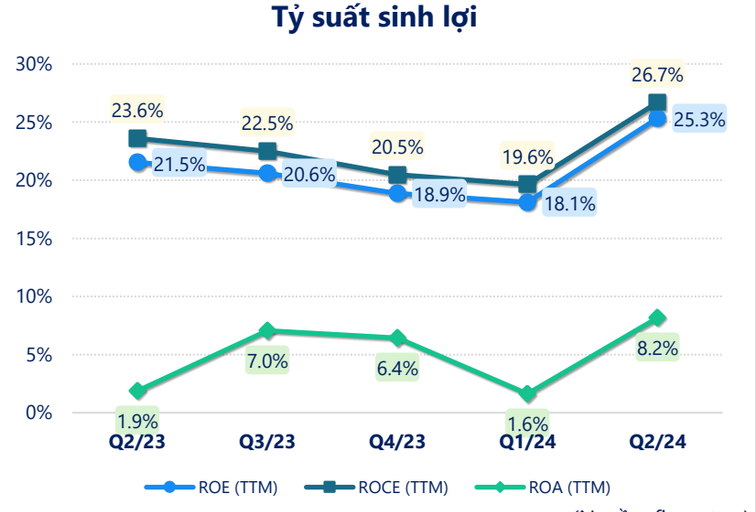
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



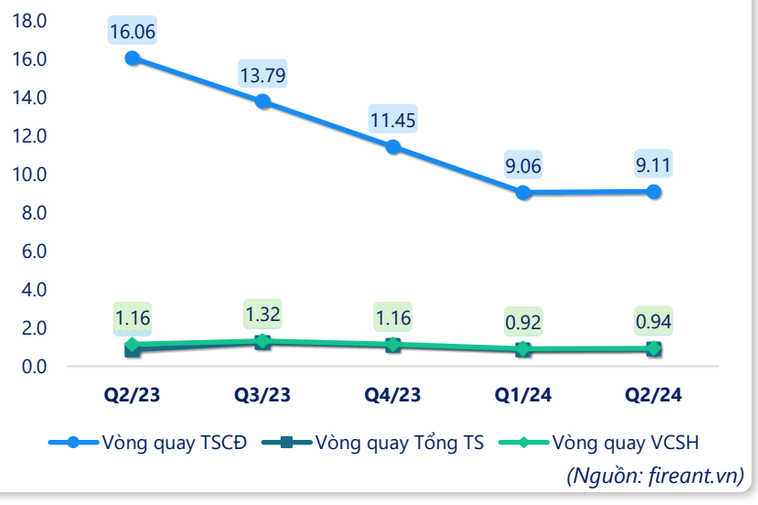
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



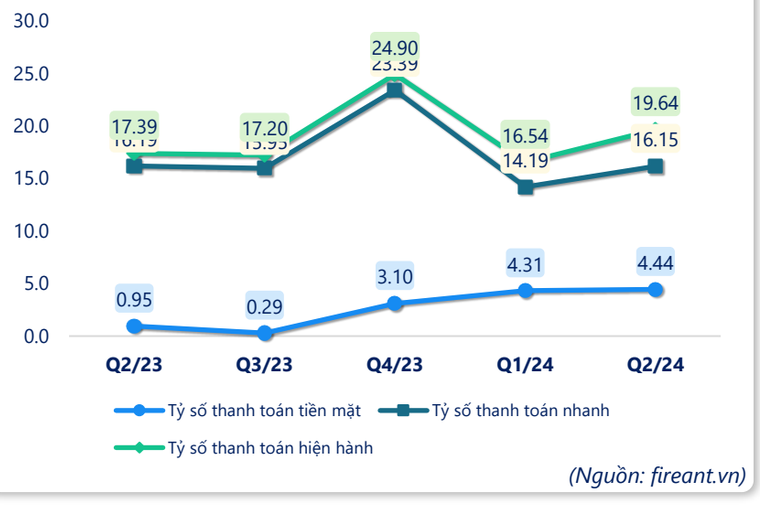
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



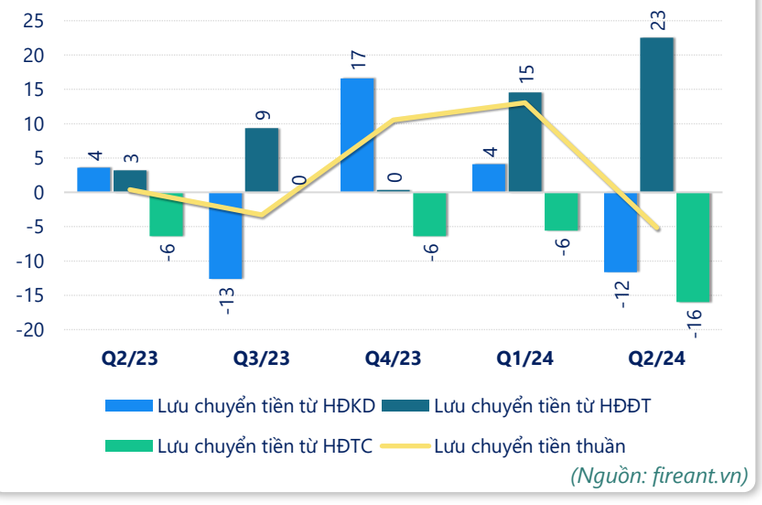
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Nam Việt (HSX: NAV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**111**	**121**	**-8.1%**
Tài sản ngắn hạn	88.9	97.9	-9.1%
Tiền và tương đương tiền	20.1	12.2	64.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.6	46.1	-61.8%
Phải thu ngắn hạn	33.9	33.5	1.2%
Hàng tồn kho	15.8	5.93	167%
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	0.09	1520%
Tài sản dài hạn	**21.9**	**22.8**	**-3.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	10.1	11.1	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.37**	**0.20**	**84.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.84	5.38	27.2%
Nợ ngắn hạn	**4.53**	**2.55**	**77.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	2.32	2.83	-18.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**104**	**115**	**-9.8%**
Vốn chủ sở hữu	**104**	**115**	**-9.8%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	31.0	34.3	27.6	8.86	28.6
Giá vốn hàng bán	27.1	30.2	24.5	5.27	24.0
Lợi nhuận gộp	3.94	4.12	3.17	3.58	4.60
Doanh thu HĐTC	1.18	6.36	8.04	1.11	7.51
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0	0	0.01	0.02
Chi phí QLDN	1.88	2.14	3.51	2.28	2.35
LN thuần từ HĐKD	3.24	8.34	7.69	2.41	9.74
Lợi nhuận khác	0.00	0.50	0.01	0.00	0.00
LN trước thuế	3.23	8.84	7.70	2.41	9.74
Lợi nhuận sau thuế	2.59	8.11	7.54	1.93	9.17
LNST của CĐ cty mẹ	2.59	8.11	7.54	1.93	9.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.60	-12.6	16.6	4.10	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.20	9.35	0.35	14.6	22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.40	0	-6.40	-5.60	-16.0
Tiền đầu kỳ	4.53	4.93	1.64	12.2	25.3
Lưu chuyển tiền thuần	**0.40**	**-3.29**	**10.6**	**13.1**	**-5.13**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.93	1.64	12.2	25.3	20.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic